

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định việc phát hiện, thu giữ, xử lý tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả, tiền nghi hủy hoại trái pháp luật; phát hiện, thu giữ, xử lý tiền bị hủy hoại trái pháp luật; giám định tiền giả, tiền nghi giả; quản lý sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước), Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiền Việt Nam (tiền thật) bao gồm tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành, là phương tiện thanh toán hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Tiền giả được hiểu là vật phẩm có một mặt hoặc hai mặt mô phỏng hình ảnh, hoa văn, màu sắc, kích thước của tiền Việt Nam để được chấp nhận giống như tiền Việt Nam, không có hoặc giả mạo các đặc điểm bảo an, không do Ngân hàng Nhà nước phát hành hoặc là tiền Việt Nam bị thay đổi, cắt ghép, chỉnh sửa để tạo ra tờ tiền có mệnh giá khác so với nguyên gốc.
3. Tiền nghi giả là tiền có hai mặt giống tiền thật về hình ảnh, hoa văn, màu sắc, kích thước nhưng sau khi đối chiếu với các đặc điểm bảo an trên tiền thật cùng loại hoặc thông báo về đặc điểm và cách nhận biết tiền Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước đã công bố, vẫn chưa xác định được là tiền thật hay tiền giả.
4. Hủy hoại tiền Việt Nam trái pháp luật là hành vi cố ý làm rách nát, hư hỏng, biến dạng tiền Việt Nam.
5. Sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao hoặc bản ghi hình từ tiền Việt Nam bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.
6. Cơ quan có thẩm quyền của quân đội bao gồm: Cơ quan An ninh Điều tra Bộ Quốc phòng, Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương; Cơ quan Điều tra Hình sự Bộ Quốc phòng, Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương, Cơ quan điều tra hình sự khu vực; Bộ đội Biên phòng và lực lượng Cảnh sát biển.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG TIỀN GIẢ

Điều 4. Phát hiện, thu giữ tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả

1. Trong các hoạt động, giao dịch có liên quan đến tiền mặt, Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội, hải quan thực hiện đối chiếu với các đặc điểm bảo an trên tiền thật cùng loại hoặc thông báo về đặc điểm và cách nhận biết tiền Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước đã công bố để xác định là tiền thật hay tiền giả.

Trường hợp phát hiện tiền giả, Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội, hải quan thực hiện thu giữ và lập biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp phát hiện tiền nghi giả, thực hiện tạm thu giữ và lập biên bản theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thu giữ tiền giả hoặc tạm thu giữ tiền nghi giả, tổ chức thu giữ tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giám định tiền giả trong trường hợp có yêu cầu giám định, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giám định tiền nghi giả theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và gửi đến cơ quan giám định của Bộ Công an hoặc Ngân hàng Nhà nước để thực hiện giám định.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân không chấp hành việc lập biên bản, thu giữ tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả, Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước thông báo ngay đến cơ quan công an nơi gần nhất để phối hợp xử lý.

4. Trường hợp phát hiện dấu hiệu liên quan đến hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Việc tiếp nhận,

giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Điều 5. Giám định tiền giả, tiền nghi giả

1. Việc giám định để xác định tính xác thực của đồng tiền thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Việc giám định tư pháp về tiền Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giám định tiền giả, tiền nghi giả để xác định tính xác thực của đồng tiền thực hiện lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và nộp trực tiếp đến cơ quan giám định của Bộ Công an hoặc Ngân hàng Nhà nước.

Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước bố trí người có chuyên môn thực hiện giám định tiền giả, tiền nghi giả, đảm bảo trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác giám định tiền giả, tiền nghi giả; thông báo công khai danh sách và địa chỉ liên hệ của các cơ quan giám định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước.

2. Hồ sơ đề nghị giám định gồm:

- a) Giấy đề nghị giám định tiền giả, tiền nghi giả theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Hiện vật là tiền giả, tiền nghi giả cần giám định.

3. Cơ quan giám định thực hiện giám định trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc đối với 01 tờ hoặc miếng tiền; trường hợp số lượng tiền cần giám định vượt quá 20 tờ hoặc miếng đối với 01 hồ sơ đề nghị giám định, thời gian tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp nhận thấy việc giám định sẽ vượt quá thời gian quy định nêu trên, cơ quan giám định có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giám định.

4. Việc giám định để xác định tính xác thực của đồng tiền theo quy định tại Nghị định này được thực hiện miễn phí. Chi phí giám định tư pháp về tiền Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

5. Trường hợp chưa có sự thống nhất về kết quả giám định tiền giữa các cơ quan giám định thì kết quả giám định của Ngân hàng Nhà nước có giá trị thực hiện.

Điều 6. Xử lý kết quả giám định

1. Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành giám định, cơ quan giám định thông báo kết quả giám định bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định.

Trường hợp kết quả giám định không phải tiền giả, cơ quan giám định hoàn trả hiện vật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định.

Trường hợp kết quả giám định là tiền giả, cơ quan giám định thực hiện thu giữ hiện vật và xử lý theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định này. Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị giám định là cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội, hải quan, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân, cơ quan giám định hoàn trả lại hiện vật cho cơ quan, tổ chức đã yêu cầu giám định.

2. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả giám định, tổ chức đề nghị giám định tiền giả, tiền nghi giả theo khoản 2 Điều 4 Nghị định này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có tiền giả, tiền nghi giả, kèm theo thông báo kết quả giám định của cơ quan giám định. Trường hợp kết quả giám định không phải là tiền giả, phải hoàn trả cho tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Lưu giữ, đóng gói, bảo quản, giao nhận, vận chuyển tiền giả

1. Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước được giữ lại một số tiền giả làm tư liệu nghiên cứu. Tiền giả làm tư liệu nghiên cứu được phân loại, kiểm đếm để theo dõi, lưu giữ, bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng. Bộ trưởng Bộ Công an và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định số lượng, chủng loại và việc quản lý, sử dụng số tư liệu này.

2. Tiền giả được phân loại, kiểm đếm, sắp xếp, đóng gói, bảo quản, vận chuyển đảm bảo nguyên vẹn, an ninh, an toàn, tránh nhầm lẫn. Việc giao nhận tiền

giả thực hiện theo tờ hoặc miếng, được ghi đầy đủ nội dung và ký giao, nhận biên bản theo mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các cơ quan liên quan trong việc đóng gói, bảo quản, giao nhận, vận chuyển tiền giả theo chức năng, thẩm quyền quản lý.

Điều 8. Giao nộp tiền giả

1. Các tổ chức, cá nhân có tiền giả thực hiện giao nộp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước nơi gần nhất hoặc giao nộp cho cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội, hải quan để chuyển về Ngân hàng Nhà nước.

2. Việc giao nộp tiền giả được thể hiện bằng văn bản trong đó ghi rõ loại tiền, số lượng, mệnh giá, vắn seri tiền giả giao nộp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao nộp tiền giả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Thu nhận, tiêu hủy tiền giả

1. Ngân hàng Nhà nước tổ chức thu nhận tiền giả để thực hiện tiêu hủy. Tiền giả được thu nhận phải được kiểm đếm theo tờ hoặc miếng và được thể hiện bằng văn bản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó ghi rõ loại tiền, số lượng, mệnh giá, vắn seri tiền giả giao nộp.

2. Việc tiêu hủy tiền giả của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả tiền giả liên quan đến các vụ việc vi phạm pháp luật, được thực hiện theo quy định tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Thông tin về tiền Việt Nam và thông tin về tiền giả

1. Ngân hàng Nhà nước thông tin công khai, rộng rãi về đặc điểm và cách nhận biết tiền Việt Nam trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước hoặc các phương thức truyền thông phù hợp khác.

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ngân hàng Nhà nước phối hợp, trao đổi thông tin về tiền giả xuất hiện trong lưu thông, phương thức, thủ đoạn hoạt động tội phạm liên quan đến tiền giả bằng văn bản hoặc phương thức phù hợp khác

để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

3. Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an xem xét, quyết định việc thông báo công khai thông tin về tiền giả để các tổ chức, cá nhân biết, phòng ngừa. Bộ Công an xem xét, quyết định công khai thông tin về phương thức, thủ đoạn hoạt động tội phạm liên quan đến tiền giả. Việc cung cấp, đăng tải thông tin liên quan đến tiền giả thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tiền giả, tiền nghi giả cho người làm công tác giám định tiền giả, tiền nghi giả thuộc Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước quản lý.

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ kỹ năng nhận biết tiền thật, tiền giả, thông tin, tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tiền giả, bảo vệ tiền Việt Nam và nghiệp vụ, chuyên môn có liên quan về công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tiền giả

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính hoặc các bộ, ngành có liên quan xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế trong trao đổi kinh nghiệm thực tiễn, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ đấu tranh, phòng, chống tiền giả và tội phạm tiền giả; xây dựng và thực hiện các kế hoạch, biện pháp để phát hiện, đấu tranh triệt phá các đường dây làm, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán tiền giả xuyên quốc gia.

2. Ngân hàng Nhà nước trong phạm vi thẩm quyền quyết định việc hợp tác với tổ chức quốc tế, Ngân hàng Trung ương hoặc cơ quan phát hành tiền các quốc gia trong trao đổi, hợp tác về các giải pháp phòng, chống tiền giả và bảo vệ đồng tiền quốc gia; hỗ trợ đào tạo, tập huấn về nhận biết tiền thật, tiền giả; tổ chức hoặc tham gia hội nghị, hội thảo hoặc các hình thức hợp tác khác liên quan đến phòng, chống tiền giả.

Chương III

XỬ LÝ TIỀN VIỆT NAM BỊ HỦY HOẠI TRÁI PHÁP LUẬT

Điều 13. Phát hiện, tạm thu giữ, xác minh tiền rách nát, hư hỏng hoặc biến dạng nghi do hành vi hủy hoại tiền trái pháp luật

1. Trong các hoạt động, giao dịch liên quan đến tiền mặt, trường hợp đồng tiền thật bị rách nát, hư hỏng hoặc biến dạng nghi không phải do quá trình lưu thông hoặc không phải do quá trình bảo quản (hiện vật), Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước lập biên bản theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, tạm thu giữ hiện vật và chuyển ngay đến cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội nơi gần nhất để xác minh, kết luận.

2. Trong thời gian tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật, cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội xác minh, kết luận đối với tiền rách nát, hư hỏng hoặc biến dạng nghi do hành vi hủy hoại trái pháp luật.

Điều 14. Xử lý kết quả sau xác minh

Sau khi xác minh, kết luận đối với tiền rách nát, hư hỏng hoặc biến dạng nghi do hành vi hủy hoại trái pháp luật, trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội thông báo kết luận bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1. Trường hợp cơ quan công an kết luận là tiền rách nát, hư hỏng hoặc biến dạng do hành vi hủy hoại tiền trái pháp luật, cơ quan công an xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của quân đội kết luận là tiền rách nát, hư hỏng hoặc biến dạng do hành vi hủy hoại tiền trái pháp luật, cơ quan có thẩm quyền của quân đội chuyển kết quả xác minh kèm hiện vật đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Trường hợp kết luận là tiền rách nát, hư hỏng hoặc biến dạng không phải do hành vi hủy hoại tiền trái pháp luật, cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của

quân đội hoàn trả ngay cho tổ chức, cá nhân có tiền bị rách nát, hư hỏng, biến dạng hoặc chuyển Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước để xử lý theo quy định về thu, đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

Điều 15. Lưu giữ, đóng gói, bảo quản, giao nhận, vận chuyển tiền bị hủy hoại trái pháp luật

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng được giữ lại một số tiền bị hủy hoại trái pháp luật làm tư liệu nghiên cứu. Tiền bị hủy hoại trái pháp luật làm tư liệu nghiên cứu được phân loại, kiểm đếm để theo dõi, lưu giữ, bảo quản đầy đủ đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định số lượng, chủng loại và việc quản lý, sử dụng số tư liệu này.

2. Việc giao nhận tiền bị hủy hoại trái pháp luật thực hiện theo tờ hoặc miếng và được kiểm đếm, sắp xếp, phân loại, đóng gói, bảo quản, vận chuyển đảm bảo nguyên vẹn, an ninh, an toàn, tránh nhầm lẫn. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các cơ quan liên quan trong việc đóng gói, bảo quản, giao nhận, vận chuyển tiền bị hủy hoại trái pháp luật theo chức năng, thẩm quyền quản lý.

Điều 16. Thu nhận, tiêu hủy tiền bị hủy hoại trái pháp luật

1. Ngân hàng Nhà nước tổ chức thu nhận tiền bị hủy hoại trái pháp luật để thực hiện tiêu hủy. Khi thu nhận tiền bị hủy hoại trái pháp luật, việc giao nhận được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

2. Việc tiêu hủy tiền bị hủy hoại trái pháp luật của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả tiền bị hủy hoại trái pháp luật liên quan đến các vụ việc vi phạm pháp luật, được thực hiện theo quy định tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông của Ngân hàng Nhà nước.

Chương IV

QUẢN LÝ SAO, CHỤP HÌNH ẢNH TIỀN VIỆT NAM

Điều 17. Nguyên tắc sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam khi đảm bảo đáp ứng tất cả các nguyên tắc sau:

a) Tất cả các bản sao, chụp không làm thay đổi hình ảnh của tiền Việt Nam ngoài việc phóng to, thu nhỏ hoặc sao, chụp theo góc nghiêng cùng tỷ lệ và phải đảm bảo tính toàn vẹn của hình chân dung, quốc huy trên mặt trước tờ tiền;

b) Không trích, ghép, kết hợp một phần hoặc toàn bộ hình ảnh đồng tiền Việt Nam với các nội dung, âm thanh, hình ảnh dung tục, khiêu dâm, bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội hoặc các nội dung, âm thanh, hình ảnh trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục và pháp luật Việt Nam;

c) Việc sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam không nhằm mục đích thương mại, không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp dùng trong tác phẩm báo chí, phim tài liệu hoặc lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu hoặc chụp ảnh, truyền hình về đồng tiền Việt Nam được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu, tuyên truyền về đồng tiền Việt Nam.

2. Các tổ chức, cá nhân nêu tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này khi được sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam đảm bảo việc sử dụng hình ảnh tiền Việt Nam đúng mục đích.

Điều 18. Điều kiện, tiêu chuẩn sao, chụp tiền Việt Nam

1. Ngoài các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam phải đồng thời đáp ứng một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Sao, chụp một phần hình ảnh, hoa văn của tiền Việt Nam không vượt quá 1/3 diện tích mặt trước hoặc mặt sau tờ tiền; hoặc

b) Sao, chụp hình ảnh một mặt đồng tiền Việt Nam với kích thước chiều dài và chiều rộng đối với tiền giấy, đường kính đối với tiền kim loại nhỏ hơn 75% hoặc lớn hơn 150% kích thước của tiền thật cùng mệnh giá; hoặc

c) Sao, chụp hình ảnh hai mặt đồng tiền Việt Nam với kích thước chiều dài và chiều rộng đối với tiền giấy, đường kính đối với tiền kim loại nhỏ hơn 50% hoặc lớn hơn 200% kích thước của tiền thật cùng mệnh giá; hoặc

d) Sao, chụp hình ảnh thành bản điện tử để đưa lên không gian mạng có độ phân giải tối đa không vượt quá 72dpi (Dots Per Inch) với kích thước tương đương tiền thật cùng mệnh giá.

2. Các điều kiện, tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước, cơ sở in, đúc tiền và các cơ quan giám định theo quy định tại Nghị định này.

3. Trường hợp các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ không áp dụng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, có văn bản trao đổi trước với Ngân hàng Nhà nước về các nội dung thông tin dự kiến của bản sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam.

Điều 19. Trình tự, thủ tục sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam

1. Các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Nghị định này, có nhu cầu sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam nhưng không áp dụng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này, phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản phác thảo mẫu thiết kế, hình ảnh minh họa hoặc tài liệu liên quan dự kiến sử dụng hình ảnh tiền Việt Nam; trong đó mô tả, xác định, định vị rõ vị trí đặt, diện tích, kích thước sao, chụp, độ phân giải của hình ảnh đồng tiền.

2. Trong thời gian tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời về việc sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam.

Trường hợp không đủ hồ sơ đề nghị sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ phận Một cửa tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước thực hiện xử lý như sau:

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, thông báo rõ lý do và hoàn trả ngay hồ sơ cho các tổ chức, cá nhân;

b) Đối với hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính, trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, thông báo rõ lý do bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân.

Chương V

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG TIỀN GIẢ VÀ BẢO VỆ TIỀN VIỆT NAM

Điều 20. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Bảo quản tiền Việt Nam trong quá trình quản lý, sử dụng.
2. Yêu cầu cơ quan chức năng giám định tiền giả, tiền nghi giả theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.
3. Kịp thời thông báo cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội, hải quan nơi gần nhất về các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.
4. Tuân thủ các quy định về quản lý sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chịu trách nhiệm chính, toàn diện trong công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam, chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn và chỉ đạo các đơn vị liên quan trong công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.
2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan trong hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm tiền giả.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Phối hợp với Bộ Công an kiểm tra, kiểm soát, phát hiện các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ tiền Việt Nam theo phạm vi, thẩm quyền quản lý; hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan chức năng và đơn vị liên quan trong việc xử lý các trường hợp

tiền giả, tiền nghi giả, tiền nghi bị hủy hoại và phối hợp trong công tác phòng, chống tiền giả, bảo vệ tiền Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành liên quan trong công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ tiền Việt Nam.

Điều 23. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

1. Bảo đảm đồng tiền trong lưu thông bền, đẹp, có khả năng chống giả cao, thuận tiện trong quản lý, sử dụng và hướng dẫn các biện pháp bảo quản phù hợp với chất liệu đồng tiền nhằm làm tăng thời gian sử dụng đồng tiền trong lưu thông.

2. Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng, khả năng chống giả của đồng tiền Việt Nam.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc xử lý tiền giả, tiền nghi giả trong ngành ngân hàng; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam đúng pháp luật; phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan trong công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ tiền Việt Nam.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hướng dẫn, kiểm tra việc xử lý tiền giả, tiền nghi giả, tiền nghi bị hủy hoại theo phạm vi thẩm quyền quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Quản lý nội dung thông tin báo chí, quản lý nội dung phát thanh, truyền hình, quản lý xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành), quản lý thông tin điện tử đảm bảo đúng quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền; chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các đơn vị chức năng thuộc lĩnh vực quản lý thông tin, tuyên truyền các quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 02 năm 2024.
2. Bãi bỏ Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo vệ tiền Việt Nam.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 87/2023/NĐ-CP
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Biên bản thu giữ tiền giả
Mẫu số 02	Biên bản tạm thu giữ tiền nghi giả
Mẫu số 03	Giấy đề nghị giám định tiền giả, tiền nghi giả
Mẫu số 04	Biên bản giao, nhận tiền giả
Mẫu số 05	Biên bản tạm thu giữ tiền nghi bị hủy hoại trái pháp luật
Mẫu số 06	Giấy đề nghị sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Thu giữ tiền giả

Hôm nay, vào..... giờ... phút, ngày.../.../..... tại....., chúng tôi gồm:

1. Đơn vị thu giữ tiền giả:
Địa chỉ:
- Ông (bà):....., Chức vụ:
- Ông (bà):....., Chức vụ:
2. Tổ chức, cá nhân bị thu giữ tiền giả:
Địa chỉ:
SĐT: Email:
Người đại diện (nếu là tổ chức):.....; SĐT:
CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....; cấp ngày.../.../.... tại Bảng kê tiền giả
như sau:

STT	Loại tiền giả	Số tờ (miếng)	Seri ⁽¹⁾	Ghi chú
1	Tiền Polymer			
	500.000			
	...			
2	Tiền Cotton			
	5.000			
	...			
Tổng số (tờ/miếng)				

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số.../202.../NĐ-CP ngày.../.../202... của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam, (đơn vị thu giữ tiền giả...) lập biên bản thu giữ số tiền giả nêu trên.

Biên bản được lập thành... bản, mỗi bên giữ... bản.

Người bị thu giữ tiền giả⁽²⁾ **Người thu giữ tiền giả** **Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi đầy đủ seri của từng tờ tiền giả, ví dụ: AB 12345678.
(2): Nếu là tổ chức, người đại diện ký, ghi rõ họ tên.
Lưu ý: Ngoài nội dung cơ bản, tùy trường hợp cụ thể có thể bổ sung thêm thông tin.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Tạm thu giữ tiền nghi giả

Hôm nay, vào..... giờ... phút, ngày.... /.../..... tại....., chúng tôi gồm:

1. Đơn vị tạm thu giữ tiền nghi giả:

Địa chỉ:

- Ông (bà):, Chức vụ:.....

- Ông (bà):, Chức vụ:.....

2. Tổ chức, cá nhân bị tạm thu giữ tiền nghi giả:

Địa chỉ:

SĐT:; Email:.....

Người đại diện (nếu là tổ chức):; SĐT:.....

CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:; cấp ngày..../.../.... tại....

Trong khi kiểm đếm số tiền khách hàng nộp đã phát hiện tiền nghi giả như sau:

STT	Loại tiền nghi giả	Số tờ (miếng)	Seri ⁽¹⁾	Ghi chú
1	Tiền Polymer			
	500.000			
	...			
2	Tiền Cotton			
	5.000			
	...			
Tổng số (tờ/miếng)				

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số.../202.../NĐ-CP ngày.../.../202... của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam, (đơn vị tạm thu giữ...) lập biên bản tạm thu giữ số tiền nghi giả nêu trên.

Biên bản được lập thành... bản, mỗi bên giữ... bản.

**Người bị tạm thu giữ tiền
nghi giả⁽²⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người tạm thu giữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi đầy đủ seri của từng tờ tiền nghi giả, ví dụ: AC 12345678.

(2): Nếu là tổ chức, người đại diện ký, ghi rõ họ tên.

Lưu ý: Ngoài nội dung cơ bản, tùy trường hợp cụ thể có thể bổ sung thêm thông tin.

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Giám định tiền giả, tiền nghi giả

Kính gửi: (tên cơ quan giám định).

Tên tổ chức (cá nhân) đề nghị giám định:.....

Địa chỉ:.....

SĐT:..... Email:.....

CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....; cấp ngày.../.../... tại.....

Đề nghị...(tên cơ quan giám định) giám định số tiền giả, tiền nghi giả như sau:

STT	Loại tiền	Số tờ (miếng)	Seri ^(*)	Ghi chú
Tổng số (tờ/miếng)				

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ GIÁM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(*): Ghi đầy đủ seri của từng tờ đề nghị giám định, ví dụ: AB 12345678.

Lưu ý: Ngoài nội dung cơ bản, tùy trường hợp cụ thể có thể bổ sung thêm thông tin.

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Giao, nhận tiền giả

Hôm nay, vào... giờ... phút, ngày..... tháng..... năm..., tại....., chúng tôi gồm:

1. Bên giao:.....

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

- Địa chỉ:.....

- SĐT:..... Email:.....

- CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....; cấp ngày.../.../... tại.....

2. Bên nhận:.....

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

- Địa chỉ:.....

- SĐT:.....

Hai bên đã giao, nhận số tiền giả như sau:

STT	Loại tiền giả	Số tờ (miếng)	Vân seri ^(*)	Ghi chú
1	Tiền polymer			
	500.000			
	...			
2	Tiền cotton			
	5.000			
	...			

Biên bản được lập thành... bản, bên giao giữ... bản, bên nhận giữ... bản.

BÊN GIAO

BÊN NHẬN

Ghi chú:

- (*): Chỉ ghi 2 chữ cái đầu tiên trong seri của tiền giả, ví dụ AB, AC.

- Ngoài nội dung cơ bản, tùy trường hợp cụ thể có thể bổ sung thêm thông tin.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm.....

BIÊN BẢN
Tạm thu giữ tiền nghi bị hủy hoại trái pháp luật

Hôm nay, vào..... giờ..... phút, ngày.../.../..... tại....., chúng tôi gồm:

1. Đơn vị tạm thu giữ hiện vật:.....

Địa chỉ:.....

- Ông (bà):....., Chức vụ:.....

- Ông (bà):....., Chức vụ:.....

2. Tên khách hàng (KH):.....

Địa chỉ:.....

SĐT:.....; Email:.....

Người đại diện (nếu KH là tổ chức):.....; SĐT:.....

CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....; cấp ngày.../.../.... tại.....

Danh mục tạm thu giữ hiện vật như sau:

STT	Loại tiền	Số tờ (miếng)	Seri ⁽¹⁾	Ghi chú
1	Tiền polymer 500.000			
	...			
2	Tiền cotton			
	5.000			
	...			
Tổng số (tờ/miếng)				

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị định số.../20.../NĐ-CP ngày.../.../202... của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam, (đơn vị tạm thu giữ hiện

vật...) lập biên bản tạm thu giữ số tiền nghi bị hủy hoại trái pháp luật nêu trên để gửi đi giám định.

Biên bản được lập thành... bản, mỗi bên giữ... bản.

**Người bị tạm thu giữ
tiền nghi bị hủy hoại⁽²⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người tạm thu giữ tiền
nghi bị hủy hoại**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi đầy đủ seri của từng tờ tiền nghi giả, ví dụ: AC 12345678.

(2): Nếu là tổ chức, người đại diện ký, ghi rõ họ tên.

Lưu ý: Ngoài nội dung cơ bản, tùy trường hợp cụ thể có thể bổ sung thêm thông tin.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin tổ chức/cá nhân đề nghị:

Tên tổ chức (cá nhân) đề nghị sao, chụp:

Số ĐKKD hoặc CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:

cấp ngày.../.../.... tại:

Quốc tịch:

Email:

Địa chỉ:

Điện thoại:

2. Mục đích/lý do sao, chụp:

.....

.....

.....

3. Thông tin dự kiến về bản sao, chụp:

.....

4. Tài liệu kèm theo:

.....

.....

.....

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ SAO CHỤP
(Ký tên, đóng dấu nếu có)